

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/DS-ST  
Ngày: 31-8-2020  
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Trần Minh Triền

2/- Bà Hồ Thị Minh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Số A, Khóm B, Phường B, Thành Phố L, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:**

+ Ông Lê Quang T1, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 29-5-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:*

Do chỗ quen biết nên vào ngày 03/12/2018 ông có cho ông T1 và bà T2 vay số tiền 200.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 3 dương lịch, thời hạn vay 1 năm, hợp đồng vay được lập tại phòng công chứng Nguyễn Thành Q. Đến hạn ông T1 và bà T2 không trả lãi và vốn.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi 1% từ ngày 03/12/2018 đến ngày 03/12/2019 và lãi suất quá hạn 1,35% từ ngày 04/12/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

*Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2020 bị đơn ông Lê Quang T1 trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của ông T. Ông đồng ý trả cho ông T 200.000.000 đồng. Do ông nhờ ông T vay ngân hàng cho ông nên thời gian trả như thế nào ông sẽ thương lượng lại với bên ngân hàng và ông T sau.

**Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T2:** Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Quang T1, bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Quang T1, bà Nguyễn Thị T2.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Hồ Văn T khởi kiện ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 cùng có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền vay 200.000.000 đồng. Tuy phía ông T1, bà T2 đều vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp như “hợp đồng vay tiền” do ông T1 và bà T2 ký ngày 03/12/2018 tại phòng công chứng Nguyễn Thành Q và lời thừa nhận của ông Lê Quang T1 tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2020 cho thấy hợp đồng vay nợ giữa hai bên thực tế có xảy ra, ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 có vay của ông Hồ Văn T số tiền 200.000.000 đồng lãi suất 1% tháng, thời hạn vay là 1 năm. Quá trình vay nợ ông T1 và bà T2 chưa thanh toán lãi và vốn cho ông T. Xét thấy trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi đúng định kỳ. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả nợ 1 lần theo yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

*Về lãi suất:* Tại phiên tòa hôm nay ông Hồ Văn T yêu cầu ông T1, bà T2 trả lãi suất 1%/ tháng từ 3/12/2018 đến 3/12/2019 và lãi quá hạn 1,35%/ tháng từ 4/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 03/12/2018 ông Hồ Văn T và ông Lê Quang T1 thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng, việc thỏa thuận về lãi suất của hai bên không trái với quy định tại điều 468 bộ luật dân sự 2015 và từ khi vay đến nay phía bị đơn chưa thực hiện trả lãi

cho nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi cho nguyên đơn, cụ thể được tính như sau:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 12 \text{ tháng (3/12/2018- 3/12/2019)} = 24.000.000 \text{ đồng}.$

$200.000.000 \text{ đồng} \times 1,35\% \times 8 \text{ tháng 28 ngày (4/12/2019- 31/8/2020)} = 24.120.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng lãi 48.120.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng vốn và lãi ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền 248.120.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Hồ Văn T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn T.

Buộc ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T số tiền là 248.120.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi ngàn đồng ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**- Về án phí:** Ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 12.406.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2020). Ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị T2 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (đề thi hành);
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Phan Thị Kim Hoa**